

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-05-2022

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Cường;

- Bà Dương Thị Trà Hoa.

**Thư ký phiên tòa:** ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa:** không.

Ngày 31 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2022 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Võ Văn TH, sinh năm 1987. Nơi cư trú: tổ 04, ấp V, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* chị Nèang Sóc P, sinh năm 1984. Nơi cư trú: tổ 5, ấp M, xã V1, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Võ Văn TH trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* anh và chị P tiến đến hôn nhân trong năm 2003, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không khắc phục được và không còn chung sống với nhau đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên anh TH xin được ly hôn chị P.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, anh TH và chị P có hai con chung tên Chau T, sinh ngày 15/10/2003 (con đã trưởng thành, có nghề nghiệp tự nuôi sống mình) và Neàng PH, sinh ngày 09/4/2007, hiện các con đang sống với anh TH. Khi ly hôn, anh TH xin quyền nuôi con chung chưa thành niên tên PH và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* anh TH không yêu cầu Toà án giải quyết và khai không có nợ chung.

## 2. Ý kiến của chị Neàng Sóc P:

- Về hôn nhân: chị P và anh TH tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp V, xã A, huyện Tịnh Biên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, hai bên đã nhiều lần tự hòa giải để chung sống nhưng không được, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn chung sống với nhau đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay anh TH yêu cầu ly hôn, chị P đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh TH có hai con chung tên Chau T, sinh ngày 15/10/2003 (đã trưởng thành) và Neàng PH, sinh ngày 09/4/2007, hiện các con đang sống với anh TH. Khi ly hôn, chị P đồng ý giao con chưa thành niên tên PH cho anh TH nuôi dưỡng và chị P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và khai không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh TH, bị đơn chị P đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), không ai giao nộp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

### - Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn chị P có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa anh TH và chị P được xác lập vào năm 2003, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát

sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn anh TH, bị đơn chị PH (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**- Về nội dung vụ án:**

[4] Về quan hệ hôn nhân: giữa anh TH và chị P tiến đến hôn nhân, có kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2000 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

Do đó, anh TH, chị P có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: anh TH và chị P có hai con chung tên Chau T, sinh ngày 15/10/2003 (đã trưởng thành) và Neàng PH, sinh ngày 09/4/2007, đang sống với anh TH. Khi ly hôn, anh TH xin quyền nuôi con chưa thành niên tên PH, chị P đồng ý giao cháu PH cho anh TH nuôi dưỡng; Nhận thấy, sự thoả thuận giữa anh TH và chị P phù hợp với nguyện vọng của cháu PH. Do đó, để ổn định môi trường sống, nơi học tập và các mặt khác của con chung chưa thành niên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu PH cho anh TH tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Anh TH cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên PH.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: anh TH người trực tiếp nuôi con chưa thành niên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và người không trực tiếp nuôi con cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: anh TH, chị P không yêu cầu chia tài sản chung và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Anh Võ Văn TH là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Chị Nèang Sóc P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 11, Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Văn TH

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Võ Văn TH và chị Nèang Sóc P là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Anh Võ Văn TH được tiếp tục nuôi con chung tên Nèang PH, sinh ngày 09/4/2007.

Chị Nèang Sóc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Văn TH cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Anh Võ Văn TH phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0007625 ngày 21 tháng 03 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nam Phú**